

Số: 120/2019/QĐST-HNGĐ

Cần Giờ, ngày 29 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ 1, ấp D, xã A, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Trung T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Tổ 1, ấp D, xã A, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và Bị đơn ông Trần Trung T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện CG, Thành phố H cấp ngày 11 tháng 8 năm 2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Quốc K, sinh ngày 19/9/2010. Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Trung T thỏa thuận theo đó giao cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Trung T khai không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Trung T không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông, bà.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp toàn bộ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AG/2011/06332 ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Phúc